

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC 209 THUỐC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ
LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM - ĐỢT 93

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp số đăng ký lưu hành thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 209 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 93.

Điều 2. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc có trách nhiệm cung cấp thuốc vào Việt Nam theo đúng các hồ sơ tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế. Số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp phải được in lên nhãn thuốc. Số đăng ký có ký hiệu VN-....-16 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc phải chấp hành đầy đủ pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của Bộ Y tế về nhập khẩu thuốc và lưu hành thuốc tại Việt Nam; nếu có bất cứ thay đổi gì trong quá trình lưu hành thuốc ở nước sở tại và ở Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế Việt Nam.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giám đốc nhà sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quang Cường (để b/c);
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế Giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN;
- Các Công ty XNK Dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược & MP - Cục QLD;
- Lưu: VP, KDD, ĐKT(10).

Trương Quốc Cường



DANH MỤC

209 THUỐC ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 5 NĂM- ĐỢT 93

Ban hành kèm theo quyết định số: 103/QĐ-QLD, ngày 23/3/2016

1. Công ty đăng ký: A. Menarini Singapore Ptc. Ltd (Đ/c: 30 Pasir Panjang Road, # 08-32 Mapletree Business City, Singapore (117440) - Singapore)

1.1. Nhà sản xuất: GE Healthcare Ireland (Đ/c: IDA Business Park Carrigtohill Co. Cork - Ireland)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Omniscan	Gadodiamide (GdDTPA- BMA) 2870mg/10ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ x 10ml	VN-19545-16

2. Công ty đăng ký: Abbott Laboratories (Đ/c: 100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064 - USA)

2.1. Nhà sản xuất: Aesica Queenborough Ltd. (Đ/c: Queenborough, Kent, ME11 5EL - United Kingdom)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Klacid Forte	Clarithromycin 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-19546-16
3	Klacid MR	Clarithromycin 500mg	Viên nén giải phóng hoạt chất biến đổi	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 5 viên	VN-19547-16

2.2. Nhà sản xuất: Chiesi Farmaceutici S.p.A. (Đ/c: Via San Leonardo 96, Via Palermo, 26/A, Via Ortles 6- Parma (PR) - Italy)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Poster	Beclomethasone dipropionate 100mcg/liều; Formoterol fumarate dihydrate 6mcg/liều	Thuốc phun mù dùng để hít	17 tháng	NSX	Hộp 1 bình 120 liều xịt	VN-19548-16

3. Công ty đăng ký: Access Healthcare Inc (Đ/c: 292 Fifth Avenue, New York, NY 10001 - USA)

3.1. Nhà sản xuất: ACI Pharma Private Limited (Đ/c: 172/A, Plot 135/A, IDA Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak Andhra Pradesh 502325 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Acurox 750mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha dung dịch tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch	36 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml	VN-19549-16

4. Công ty đăng ký: Actavis International Ltd (Đ/c: BLB 016 Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN 3000 - Malta)

4.1. Nhà sản xuất: Actavis Italy S.p.A.-Nerviano Plant (Đ/c: Viale Pasteur, 10 20014 Nerviano (MI) - Italy)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Gitrabin 1g	Gemcitabin 1g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 1g	VN-19550-16
7	Gitrabin 200mg	Gemcitabin 200mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 200mg	VN-19551-16

4.2. Nhà sản xuất: Balkanpharma - Dupnitsa AD (Đ/c: 3, Samokovsko shosse Str., 2600 Dupnitsa- Bulgaria)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Bromhexin Actavis 8mg	Bromhexin hydrochlorid 8mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 20 viên	VN-19552-16

5. Công ty đăng ký: Alkem Laboratories Ltd. (Đ/c: Alkem House, Devashish, Senapati Bapat Marg, Lower Parel - 400 013 - India)

5.1. Nhà sản xuất: Alkem Laboratories Ltd. (Đ/c: 167/1 MGU Nagar, Dabhel, Daman 396210 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Alclav Bid Dry Syrup 228.5 mg/5ml	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 200mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 28,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 38	Hộp 1 chai bột để pha 100 ml hỗn dịch	VN-19553-16

5.2. Nhà sản xuất: Alkem Laboratories Ltd. (Đ/c: Village Thana, Baddi, Dist. Solan. (HP) - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Alkoxime 1.5g	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 1,5g	Bột pha tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ bột	VN-19554-16

6. Công ty đăng ký: APC Pharmaceuticals & Chemical Limited (Đ/c: 19/F, Chung Hing Commercial BLDG. 62-63 Connaught Road Central, Central - Hong Kong)

6.1. Nhà sản xuất: Lyka Labs Ltd. (Đ/c: Plot No. 4801/B GIDC, Ankleshwar - 393002- Gujarat - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Ceftidin	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2g	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ	VN-19556-16
12	Lypime 2.0 GM	Cefepim (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn Cefepim HCl và L-Arginin) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ	VN-19556-16

7. Công ty đăng ký: Aristopharma Ltd. (Đ/c: 26/A (New 7) Purana Paltan Line, Dhaka-1000 - Bangladesh)

7.1. Nhà sản xuất: Aristopharma Ltd. (Đ/c: Plot No. 21, Road No. 11 Shampur - Kadamtali I/A Dhaka -1204 - Bangladesh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Axofen-180 Tablet	Fexofenadin hydroclorid 180 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 38	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-19557-16

8. Công ty đăng ký: AstraZeneca Singapore Pte., Ltd. (Đ/c: 8 Wilkie Road, #06-01 Wilkie Edge, Singapore 228095 - Singapore)

8.1. Nhà sản xuất: AstraZeneca AB (Đ/c: SE-151 85 Sodertalje - Sweden)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Losec Mups	Omeprazol (dưới dạng omeprazol magnesi) 20mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên nén	VN-19558-16
15	Pulmicort Respules	Budesonid 500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	24 tháng	NSX	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	VN-19559-16
16	Rhinocort Aqua	Budesonid 64 mcg/liều;	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai xịt mũi 120 liều	VN-19560-16

8.2. Nhà sản xuất: Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG. (Đ/c: Schutzenstrasse 87, D-88212 Ravensburg - Germany)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Faslodex (Đóng gói cấp 2: AstraZeneca UK Limited; địa chỉ: Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK10 2NA, Anh)	Fulvestrant 50mg/ml	Dung dịch tiêm	48 tháng	NSX	Hộp 2 bơm tiêm chứa 5ml dung dịch tiêm và 2 kim tiêm	VN-19561-16

9. Công ty đăng ký: Axon Drugs Private Ltd. (Đ/c: 148/12B, Chennai - Bangalore Highway, Chembarambakkam, 602 103, Tamilnadu. - India)

9.1. Nhà sản xuất: Axon Drugs Pvt Ltd. (Đ/c: 148/12B, Chennai - Bangalore Highway, Chembarambakkam, 602 103, Tamilnadu. - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Besart-150	Irbesartan 150mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19562-16
19	Besart-300	Irbesartan 300mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19563-16

10. Công ty đăng ký: Bayer (South East Asia) Pte, Ltd. (Đ/c: 63 Chulia # 14-00, Singapore (049514) - Singapore)

10.1. Nhà sản xuất: Bayer Weimar GmbH und Co., KG (Đ/c: Dobereinerstrasse 20, D-99427 Weimar - Germany)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
20	Androcur	Cyproterone acetate 50 mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-19564-16

11. Công ty đăng ký: Brawn Laboratories Ltd (Đ/c: Delhi Stock Exchange Building 4/4B Asaf Ali Road, New Delhi 110002 - India)

11.1. Nhà sản xuất: Brawn Laboratories Ltd (Đ/c: 13, NIT, Industrial Area, Faridabad-121001 Haryana - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Aciclovir Cream BP	Aciclovir BP 5% w/w	Kem bôi da	24 tháng	BP 2013	Hộp 1 tuýp x 5g kem bôi da	VN-19565-16
22	Popranazol	Pantoprazole sodium USP trương đương Pantoprazole 40 mg	viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	VN-19566-16

12. Công ty đăng ký: Cadila Pharmaceuticals Limited (Đ/c: Sarkhej Dholka Road, Bhat - Ahmedabad, 382210, Gujarat - India)

12.1. Nhà sản xuất: Cadila Pharmaccuticals Limited (Đ/c: 1389, Trasad Road, Dholka - 387810, District: Ahmedabad, Gujarat State - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Domperon suspension	Domperidon 30 mg	Hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 30 mi	VN-19567-16

13. Công ty đăng ký: Celltrion pharm, Inc (Đ/c: 17F, Dacom B/D, 306, Teheran-Ro, Gangnam-gu, Seoul - Korea)

13.1. Nhà sản xuất: Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A (Đ/c: Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, 3150-194 Condeixa-a-Nova - Portugal)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Promaquin	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 8 viên	VN-19568-16

13.2. Nhà sản xuất: Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd. General Pharm Factory (Đ/c: 109 Xuefu Road, Nangang Dist, Harbin 150086 - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Haboxime	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP37	Hộp 01 lọ và 01 ống nước pha tiêm 10ml	VN-19569-16

13.3. Nhà sản xuất: Il-Yang Pharm Co., Ltd. (Đ/c: #110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Umoxgel Suspension	Mỗi 100ml chứa: Colloidal Aluminium phosphat 61,9g; Magnesium oxide 0,7625g	Hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 30 gói 20ml	VN-19570-16

13.4. Nhà sản xuất: Korea Arlico Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Newgenasada cream	Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat 0,64mg) 5mg; Clotrimazol 100mg; Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat 16,7mg)	Kem bôi da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 10g	VN-19571-16

13.5. Nhà sản xuất: Myungmoon Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 901-1, Shangshin-Ri, Hyangnam-Eup, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Preforin Injection	Methylprednisolon (dưới dạng Methyprednisolon natri succinat) 40mg	Bột đông khô pha tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36 tháng	USP 37	Hộp 10 lọ bột	VN-19572-16

13.6. Nhà sản xuất: New Gene Pharm Inc. (Đ/c: 117, Seokam-ro 9-gil, Iksan-si, Jellabuk-do, Republic of Korea - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Newgengenetil Inj.	Netilmicin Sulfate tương đương Netilmicin 100 mg/2 ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	10 ống tiêm/vi x 5 vi/hộp	VN-19573-16

14. Công ty đăng ký: Chong Kun Dang Pharm Corp. (Đ/c: Chungjeongno3 (sam)-ga, 8 Chungjeong-ro, Seodaemun-gu, Seoul - Korea)

14.1. Nhà sản xuất: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp. (Đ/c: 797-48 Manghyang-ro,- Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Choenan-si, Chungcheongnam-do 331-831 - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	CKDCeftizoxime inj. 1g	Ceftizoxime sodium tương đương Ceftizoxime 1,0g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 10 lọ	VN-19574-16
31	CKDCipol-N oral solution	Mỗi chai 50ml dung dịch uống chứa Cyclosporin 5g dưới dạng vi nhũ tương	Dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 50ml và một kim bơm đồng thuốc	VN-19575-16
32	CKDKmoxilin Dry Syrup 7:1	Mỗi lọ 50 ml có chứa tương đương Amoxicillin 2000 mg và Clavulanate potassium 285 mg	Siro khô	24 tháng	KP XI	Hộp 10 lọ	VN-19576-16

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam (Đ/c: G17 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Hà Nội - Việt Nam)

15.1. Nhà sản xuất: M/S Olive Healthcare (Đ/c: 197/2, Athiyawad) Dabhel Village Daman-396 210 - India).

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Theaped 30	Isotretinoin 30mg	Viên nang mềm	24 tháng	USP 35	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19577-16

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Duy Tân (Đ/c: 22 Hồ Biểu Chánh, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

16.1. Nhà sản xuất: Laboratorios IMA S.A.I.C. (Đ/c: Palpa 2862, of the City of Buenos Aires - Argentina)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Paclirich (Đóng gói bởi: Laboratorios Richmond S.A.C.I.F, địa chỉ: Elcano No 4938, of the City of Buenos Aires, Argentina)	Paclitaxel 30mg/5ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-19578-16

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Green (Đ/c: số 26, Tổ 30A, KĐT Đồng Tàu, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)

17.1. Nhà sản xuất: Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd (Đ/c: No 6 Erlangshan Rd, Yiyuan County, Shandong Province - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
35	Benzylpenicillin sodium powder for injection 1.000.000 IU	Benzylpenicilin (dưới dạng Benzylpenicilin natri) 1.000.000 IU	Bột pha tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36 tháng	BP 2013	Hộp 50 lọ	VN-19579-16
36	Greenkaxone	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ bột + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml; Hộp 10 lọ bột pha tiêm	VN-19580-16

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội (Đ/c: 170 La Thành, Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

18.1. Nhà sản xuất: Santa Farma Ilac Sanayii A.S. (Đ/c: Sofali Cesme Sokak No.: 72-74 34091-Edirnekapi Istanbul - Turkey)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Respair 10mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19581-16

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa (Đ/c: 74 đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)

19.1. Nhà sản xuất: M/s Windlas Biotech Ltd. (Đ/c: 40/1, Mohabewala Industrial Area, SBI Road, Dehradun-248110, Uttarakhand - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Cetrang	Diacerein 50 mg	viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng; Hộp 03 vỉ x 10 viên nang cứng	VN-19582-16

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ (Đ/c: Số 1-3, Lô C, Cư xá Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP, Hồ Chí Minh - Việt Nam)

20.1. Nhà sản xuất: Atabay Kimya Sanayi Ve Ticaret A.s (Đ/c: Tavsanli, Koyu Esentepe Mevkii, Gebze, Kocaeli - Turkey)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Klavunamox Pediatric	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 125mg/5ml; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 31,25mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 100ml	VN-19583-16

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Nhật Tiến (Đ/c: 220/54/7 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

21.1. Nhà sản xuất: M/S Associated Biotech (Đ/c: Village Kishanpura, Guru Majra Road, Nalagargh Road, Baddi Distt. Solan - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Nadixime 100DT	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén phân tán	30 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19584-16

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Zeta (Đ/c: Số 46, ngõ 168 Hòa Nam, phường Ô Chợ dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

22.1. Nhà sản xuất: Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.s (Đ/c: Cerkezkoy Isletmesi 59501 Cerkezkoy- Tekidag - Turkey)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	ZT-Amox	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 200mg/5ml; Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat kali : syloid AL- 1 (1:1) 28,5mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp chứa 01 lọ bột để pha hỗn dịch uống	VN-19585-16

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar (Đ/c: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, TP. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định - Việt Nam)

23.1. Nhà sản xuất: M/S Gland Pharma Limited (Đ/c: Sy. No. 143 to 148, 150&151, Near Gandimaisama ndimaisamma Cross Roads, D.P Pally, Dundigal Post, Qutubullapur Mandal, R.R Dist, 500 043-A.P. - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Enoxaparin Kabi	Enoxaparin natri 20mg/0,2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	USP36	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn	VN-19586-16
43	Enoxaparin Kabi	Enoxaparin natri 40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	USP3	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn	VN-19587-16

24. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Hoàng Nam (Đ/c: 65/15 Hồ Văn Huê, P. 9, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

24.1. Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: 19,20,21 Sector 6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar-249403 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	Vexinir 300	Cefdinir 300mg	Viên nang cứng	24 tháng	USP 35	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19588-16
45	Vexpod 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 35	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19589-16

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Thăng Long (Đ/c: Số nhà 16, dãy B3, tổ 16, P. Đức Giang, Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

25.1. Nhà sản xuất: Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A. (Fab.) (Đ/c: São Martinho do Bispo, 3045-016 Coimbra, - Portugal)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Garosi	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin trihydrate) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VN-19590-16

26. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Bình Việt Đức (Đ/c: 62/36 Trương Công Định, P, 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

26.1. Nhà sản xuất: Hameln pharmaceuticals GmbH (Đ/c: Langes Feld 13, 31789 Hameln - Germany)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	Pecolin	Pethidin HCl 100mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống 2ml	VN-19591-16

27. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Hiệp Thuận Thành (Đ/c: Phòng 104-A3 Tập thể công ty cơ khí Hà Nội, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam)

27.1. Nhà sản xuất: Anhui Double-Crane Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: Wuhu Green-food Economic Development Zone, Sanshan Distric, Wuhu City - P.R.China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
48	Metronidazole and Sodium chloride Injection	Metronidazol 0,5g/100ml; Natri chlorid 0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	CP 2010	Hộp 1 chai 100ml; Chai 100ml	VN-19592-16

27.2. Nhà sản xuất: Furen Pharmaceutical Group Co., Ltd. (Đ/c: Xuan Wu Economic Developing Area, LuYi County, Henan - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Outvit H5000	Vitamin B1 (Thiamin HCl) 50mg; Vitamin B6 (Pyridoxin HCl) 250mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 5000mcg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 4 lọ bột + 4 ống dung môi 5ml	VN-19593-16

28. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Quốc tế Thiên Nam (Đ/c: 20/28/72 Hồ Đắc Di, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

28.1. Nhà sản xuất: Roemmers S.A.I.C.F (Đ/c: Jose E. Rodo 6424 Ciudad Autonoma de Buenos Aires - Argentina)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Losacor D coated tablets	Losartan kali 50mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-19594-16

29. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Việt pháp (Đ/c: 11B phố Hoa Bằng, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội - Việt Nam)

29.1. Nhà sản xuất: Balkanpharma - Dupnitsa AD (Đ/c: 3, Samokovsko shosse Str., Dupnitsa 2600 - Bulgaria)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Corosan	Valsartan 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19595-16

30. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP VNP (Đ/c: Ô 54 F3, KĐT Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội- Việt Nam)

30.1. Nhà sản xuất: Prayash Heathcare Pvt. Ltd. (Đ/c: Habsiguda, street No.8, Hyderabad - India).

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Nocough	60ml siro chứa: Dextromethorphan HBr 60mg; Chlorpheniramin maleat 16mg; Guaifenesin 600mg	Siro	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60ml	VN-19596-16

31. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm An sinh (Đ/c: Số 46 Trần Thánh Tông, phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

31.1. Nhà sản xuất: Naprod Life Sciences Pvt. Ltd. (Đ/c: G-17/1, MIDC, Tarapur Industrial Area, Boisar, Dist. Thane-401506, Maharashtra State - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Esovex-40	Esomeprazole sodium (tương đương 40 mg esomeprazole) 42,55mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ kèm 1 ống dung môi	VN-19597-16

32. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm DO HA (Đ/c: Số 30, Tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)

32.1. Nhà sản xuất: M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd. (Đ/c: Plot No.145 Industrial Triangle, Kahuta Road, Islamabad - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Nozaxen	Esomeprazol (dưới dạng magnesi dihydrat) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 14 viên nén	VN-19598-16

32.2. Nhà sản xuất: S.C. Slavia Pharm S.R.L. (Đ/c: B-dul. Theodor Pallady nr. 44C, sector 3, cod 032266 Bucharest - Romania)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Spulit	Itraconazol 100mg	Viên nang	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 5 viên	VN-19599-16

33. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh (Đ/c: 197/4 Nguyễn Lâm, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

33.1. Nhà sản xuất: Delta Pharma Limited (Đ/c: Pakundia, Kishoreganj - Bangladesh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Toraxim	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil) 400mg/50ml	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-19600-16

34. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hiền Vĩ (Đ/c: Số 25B, ngõ 123, Phố Trung Kính, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)

34.1. Nhà sản xuất: M/s Windlas Biotech Limited (Đ/c: 40/1, Mohabewala Industrial Area, Dehradun - 248110, Uttarakhand, - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Ecomin Od Tablet	Methylcobalamin 1500 mcg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	VN-19601-16
58	Ecomin Tablet	Methylcobalamin 500 mcg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	VN-19602-16

35. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Dược (Đ/c: 120/2G Đường Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

35.1. Nhà sản xuất: Rafarm S.A. (Đ/c: Thesi Pousi-Hatzi Agiou Louka, Paiania Attiki 19002, P. O. Box 37 - Greece)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	Buderen	Budesonid 2mg/ml	Thuốc xịt mũi	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 10ml	VN-19603-16

36. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp (Đ/c: 480C Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM - Việt Nam)

36.1. Nhà sản xuất: GP-Pharm, S.A. (Đ/c: Poligono Industrial Els Vinyets-Els Fogars, sector 2, Carretera comarcal C-244, km 22, 08777-Sant Quintí de Mediona (Barcelona) - Spain)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Asoct	Octreotide (dưới dạng octreotid acetate) 0,1mg/ml	Dung dịch tiêm	60 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 1ml	VN-19604-16
61	Assoma	Somatostatin (dưới dạng Somatostatin hydrat acetat) 3mg	Bột và dung môi pha truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp lớn x 25 hộp nhỏ x 1 ống bột + 1 ống dung môi 2ml	VN-19605-16

36.2. Nhà sản xuất: Laboratorios Atral, S.A (Đ/c: Vala do Carregado, 2600-726 Castanheira do Ribatejo - Portugal)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Assonem 500mg	Meropenem (dưới dạng meropenem trihydrat) 500mg	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-19606-16

36.3. Nhà sản xuất: West Pharma - Producoes de Especialidades Farmaceuticas, S.A (Đ/c: Rua Joao de Deus, No 11 Venda Nova 2700-486 Amadora - Portugal)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Assolox	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ 7 viên	VN-19607-16

37. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh (Đ/c: 117-119 Lý Chính Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

37.1. Nhà sản xuất: Remedica Ltd. (Đ/c: Aharnon Street, Limassol Industrial Area, Limassol, 3056 - Cyprus)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Domreme	Domperidon 10mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19608-16

38. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Rồng Vàng (Đ/c: Phòng 4A, tầng 4, tòa nhà Sông Đà 1, ngõ 165 Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)

38.1. Nhà sản xuất: Precise Biopharma Pvt. Ltd (Đ/c: Survey No. 144 &146, Jarod Samlaya Road City, Haripura, Taluka Savli, Dist. Vadodara-391520 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Niftclar DT-100	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil) 100mg	Viên nén phân tán không bao	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-19609-16

39. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Việt Lâm (Đ/c: Tổ 16 Lâm Du, Phường Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)

39.1. Nhà sản xuất: Popular Infusions Ltd. (Đ/c: 164,Tongi Industrial Area, Tongi, Gazipur-1711- Bangladesh).

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Levobac 150ml IV Infusion	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 750mg/150ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 túi hoặc 10 túi 150ml	VN-19610-16

39.2. Nhà sản xuất: PT Pertiwi Agung (Đ/c: Jl. DDN, Desa Sukadanau, Cibitung, Bekasi - Indonesia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
67	Tensira 150	Irbesartan 150mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19611-16
68	Tensira 300	Irbesartan 300mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19612-16

40. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Tâm Đan (Đ/c: 1333 đường 31B, Khu phố An Phú An Khánh, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

40.1. Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Austria GmbH. (Đ/c: Estermannstraße 17, 4020 Linz - Austria)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Laevolac	Mỗi 15 ml chứa: Lactulose 10g	Dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 20 gói 15ml	VN-19613-16

40.2. Nhà sản xuất: Laboratorios Lesvi S.L (Đ/c: Avda, Barcelona 69-08970 Saint Joan Despi, Barcelona - Spain)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
70	Incarxol	Norfloxacin 400mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-19614-16

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hóa dược hợp tác (Đ/c: Lầu 4, số 261-263 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

41.1. Nhà sản xuất: CSPC Ouyi Pharmaceutical Co., Ltd (Đ/c: 276 West Zhongshan Road, Shijiazhuang, Hebei Province, P. R of China - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Rifazeme 0.5g	Mỗi lọ chứa meropenem trihydrat tương đương meropenem 500 mg	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Mỗi hộp chứa 1 lọ bột pha tiêm	VN-19615-16

41.2. Nhà sản xuất: Oponin Pharma Ltd. (Đ/c: Bagura Road, Barisal - Bangladesh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Sintiplex tablet	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfate) 75mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19616-16

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Kiến Việt (Đ/c: 437/2 đường Lê Đức Thọ, P.16, Q. Gò Vấp, TP.HCM-Việt Nam)

42.1. Nhà sản xuất: Norris Medicines Limited (Đ/c: Plot N. 801/P, GIDC Estate, Ankleshwar 393002. (Gujarat). - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Flutiright	Mỗi lọ chứa Fluticason propionat BP 0.05% w/v	Thuốc xịt mũi	24 tháng	BP 2013	Hộp chứa 1 lọ 60 liều và 120 liều	VN-19617-16

43. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm Trung ương I (Đ/c: 356A Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

43.1. Nhà sản xuất: Nexus Pharma (Pvt) Ltd. (Đ/c: Plot # 4/19-4/36, Sector 21, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Zentobastin 10mg Tablet	Ebastine 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19618-16

44. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Thanh Danh (Đ/c: Phòng 3, tầng 2, tòa nhà TAASAH, số 749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

44.1. Nhà sản xuất: Ferozson Laboratories Limited (Đ/c: P.O. Ferozsans Amangarh, Nowshera (KPK) - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Avitop 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19619-16
76	Avitop 40	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 40mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19620-16

44.2. Nhà sản xuất: Hilton Pharmaceuticals (Pvt) Ltd (Đ/c: Plot No. 13, sector 15, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
77	Ovaba 400mg	Gabapentin 400mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19621-16

44.3. Nhà sản xuất: Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited (Đ/c: No. 14, II Phase, Peenya Industrial Area, Bangalore 560 058 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Cospraz	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 500mg; Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500mg	Bột pha tiêm	30 tháng	NSX	hộp 1 lọ	VN-19622-16

45. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại-Dược phẩm Nguyễn Vy (Đ/c: 541/24 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

45.1. Nhà sản xuất: Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd. General Pharm Factory (Đ/c: 109 Xuefu Road, Nangang Dist, Harbin 150086 - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Bioszime 2g	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP37	Hộp 01 lọ 2g	VN-19623-16

46. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TM & DP Hùng Lợi (Đ/c: Số 10 đường Sầm Sơn, P. 4, Q. Tân Bình, HCM - Việt Nam)

46.1. Nhà sản xuất: Health Care Formulations Pvt. Ltd (Đ/c: C/8 Sardar Estate, Ajwa Road, Baroda-390 019, Gujarat - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
80	Levojack	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19624-16

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TM DP Đông Phương (Đ/c: 119, Đường 41, P. Tân Quy, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

47.1. Nhà sản xuất: General pharmaceutical Ltd. (Đ/c: Mouchak, Kaliakair, Gazipur - Bangladesh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
81	Infud Cream	Terbinafine hydrochloride 0,05g/5g	Cream	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 5g	VN-19625-16

47.2. Nhà sản xuất: Hanbul Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: #40-8, Banje-Ri, Wongok-Myeon, Anseung-Si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
82	Anbach Tablet	Cao khô lá Bạch quả (tương đương 17,6mg-21,6mg Ginkgo flavonol glycoside) 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 36	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19626-16

47.3. Nhà sản xuất: Healthcare Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Rajendrapur, Gazipur-Bangladesh)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Sergel Injection	Esomeprazol (dưới dạng bột đông khô Esomeprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống 5ml dung môi + 1 ống tiêm vô trùng	VN-19627-16

47.4. Nhà sản xuất: Medica Korea Co., Ltd. (Đ/c: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
84	Aspachine Injection	L-ornithin-L- aspartat 500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	60 tháng	NSX	Hộp 10 ống 5ml	VN-19628-16
85	Bamebin tablet	Bambuterol hydroclorid 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Lọ 30 viên	VN-19629-16

47.5. Nhà sản xuất: RP Corp., Inc (Đ/c: 35-7, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Caldiol soft capsule (Cơ sở đóng gói: Medica Korea Co., Ltd; địa chỉ: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea)	Calcifediol 20mcg	Viên nang mềm	36 tháng	USP 37	Hộp 10 vỉ x 6 viên	VN-19630-16

47.6. Nhà sản xuất: Yoo Young Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
87	YY Cefaclor Cap	Cefaclor 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 37	Hộp 10vỉ x 10 viên	VN-19631-16

47.7. Nhà sản xuất: Yuyu Pharma INC. (Đ/c: 94, Bio valley 1-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
88	Ginkapra Tab	Cao lá bạch quả (Ginkgo biloba) 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-19632-16

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TMDP Sana (Đ/c: Số 13, Đường DD12, khu H11, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP Hồ Chí Minh - Việt Nam)

48.1. Nhà sản xuất: Prayash Healthcare Pvt, Ltd (Đ/c: Street No-8, Habsiguda, Hyderabad - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Prakuff	Mỗi 60ml chứa: Ambroxol HCl 240mg; Terbutalin sulphat 15mg; Guaifenesin 600mg	Siro	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60ml	VN-19633-16

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt (Đ/c: 788/2B Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, TP, Hồ Chí Minh - Việt Nam)

49.1. Nhà sản xuất: Pulse Pharmaceuticals Pvt. Ltd. (Đ/c: KH No. 400, 407 & 409, Kharondi, Roorkee, Dist. Haridwar, Uttarakhand - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
90	Vasotense 10	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid) 10mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19634-16

50. Công ty đăng ký: Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd. (Đ/c: Unit 1 & 2, 38 Elizabeth street, Wetherill Park NSW 2164 - Australia)

50.1. Nhà sản xuất: Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd. (Đ/c: Unit 1&2, 38 Elizabeth Street, Wetherill Park, NSW 2164 - Australia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Glupain	Glucosamin sulphat kali chlorid tương đương Glucosamin sulphat 250 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	VN-19635-16

51. Công ty đăng ký: Demo S.A. Pharmaceutical Industry (Đ/c: 21 st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens - Greece)

51.1. Nhà sản xuất: Demo S.A. Pharmaceutical Industry (Đ/c: 21 st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens - Greece)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
92	Maxfecef	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri trisesquihydrat) 1000 mg	Thuốc bột pha tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	36 tháng	BP 2015	Hộp 01 lọ thuốc bột 1g và 01 ống dung môi 10ml nước cất pha tiêm	VN-19636-16

52. Công ty đăng ký: Dr. Reddys Laboratories Ltd. (Đ/c: 8-2-337, Road No.3, Banjara Hills, Hyderabad-500034, Andhara Pradesh - India)

52.1. Nhà sản xuất: Dr. Reddys Laboratories Ltd. (Đ/c: Survey No. 42, 45 & 46, Bachupalli Village, Qutubullapur mandal, Ranga Reddy Dist, Telangana State-500090 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
93	Enam 10mg.	Enalapril maleate 10mg	Viên nén không bao	24 tháng	USP 36	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-19637-16
94	Enam 5mg	Enalapril maleate 5mg	Viên nén không bao	24 tháng	USP 36	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-19638-16

53. Công ty đăng ký: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company (Đ/c: 1106, Budapest, Keresztúri út, 30-38 - Hungary)

53.1. Nhà sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company (Đ/c: 1165, Budapest, Bokénfoldi út 118-120 - Hungary)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
95	Egolanza	Olanzapine (dưới dạng Olanzapine dihydrochloride trihydrate) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19639-16
96	Pipolphen	Promethazine hydrochloride 50 mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	60 tháng	NSX	Hộp 100 ống 2ml	VN-19640-16
97	Torvazin	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19641-16
98	Torvazin	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19642-16

54. Công ty đăng ký: Enter Pharm Co., Ltd (Đ/c: 51, Myeongnyun-1-ga, Jongno-gu, Seoul, 110 -521 - Korea)

54.1. Nhà sản xuất: Kolmar Pharma Co., Ltd. (Đ/c: 93, Biovalley2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
99	Noinsel Soft Capsule	Isotretinoin 10mg	Viên nang mềm	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19644-16

54.2. Nhà sản xuất: Withus Pharmaceutical Co., Ltd (Đ/c: 103, Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
100	Kotisol	Acetaminophen 325 mg; Tramadol hydrochloride 37,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 36	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén; hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VN-19645-16

55. Công ty đăng ký: Enter Pharm Co., Ltd (Đ/c: 51, Myeongnyun-1-ga, Jongno-gu, Seoul, 110-521 -Korea)

55.1. Nhà sản xuất: BTO Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 491-7, Kasan-Ri, Bubal Eup, Echun-City, Kymngki-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
101	BTO trimebutine Tab. 100mg	Trimebutine maleate 100 mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VN-19643-16

56. Công ty đăng ký: F.Hoffmann-La Roche Ltd. (Đ/c: 124 Grenzacherstrasse, CH-4070 Basel- Switzerland)

56.1. Nhà sản xuất: Catalent Germany Eberbach GmbH (Đ/c: Gammelsbacher Strasse 2, 69412 Eberbach - Germany)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
102	Vesanoid (đóng gói: F. Hoffmann-La Roche Ltd.; địa chỉ: Wurmisweg, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland)	Tretinoin 10 mg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100 viên	VN-19646-16

57. Công ty đăng ký: Ferring Pharmaceuticals Ltd (Đ/c: Flat/RM 1-12, 25/F, No. 1 Hung To Road, Ngau Tau Kok, Kowloon - Hongkong)

57.1. Nhà sản xuất: Ferring International Center S.A. (Đ/c: *Chemin de la Vergognausaz 50, CH-1162 Saint-Prex - Switzerland*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
103	Minirin	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat 0,2mg) 0,178mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 30, 15 viên	VN-19647-16

58. Công ty đăng ký: Ferring Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: *Flat/RM 1-12, 25/F, No. 1 Hung To Road, Ngau Tau Kok, Kowloon - Hongkong*)

58.1. Nhà sản xuất: Zentiva k.s. (Đ/c: *U Kabelovny 130, 102 37 Praha 10, Dolní, Mecholupy, - Czech*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
104	Glypressin 0,1 mg/ml (Cơ sở xuất xưởng: Perring- Léciva, a.s. - Địa chỉ: K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech)	Terlipressin (free base) 0,85 mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 8,5 ml	VN-19648-16

59. Công ty đăng ký: Flamingo Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: *R-662, TTC Industrial Area, Rabale Navi Mumbai 400 071 - India*)

59.1. Nhà sản xuất: Flamingo Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: *R-662, TTC Industrial Area Rabale, Navi Mumbai 400 701 - India*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
105	Ambroxol Syrup 30mg/5ml	Ambroxol HCl 30mg/5ml	Si rô	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60ml	VN-19649-16

59.2. Nhà sản xuất: Minimed Laboratories Pvt., Ltd. (Đ/c: *7/1 Coporate Park, Sion Trombay road, Chembur, Mumbai, 400 701. - India*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
106	Mitaras	Losartan Kali 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19650-16

60. Công ty đăng ký: Fresenius Kabi Deutschland GmbH. (Đ/c: D-61346 Bad Homburg v.d.H. - Germany)

60.1. Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Deutschland GmbH (Đ/c: Freseniusstraße 1, 6169 Friedberg - Germany)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
107	Voluven 6%	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30mg/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	VN-19651-16

61. Công ty đăng ký: Galderma International (Đ/c: 20, Avenue André Prothin 92927 La Défense Cedex - France)

61.1. Nhà sản xuất: Laboratoires Galderma (Đ/c: ZI Montdesir, 74540 Alby Sur Cheran - France)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
108	Differin Cream 0,1%	Adapalene 0,1%	Kem	36 tháng	NSX	Tuýp 30g	VN-19652-16

62. Công ty đăng ký: Gedeon Richter Plc. (Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103 - Hungary)

62.1. Nhà sản xuất: Gedeon Richter Plc. (Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103 - Hungary)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
109	Arduan	Pipercuronium bromide 4mg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 25 lọ thuốc + 25 lọ dung môi 2ml	VN-19653-16
110	Diaphyllin Venosum	Theophyllin-ethylend iamin 240mg	Dung dịch thuốc tiêm	60 tháng	NSX	Hộp 5 ống 5ml	VN-19654-16
111	Rigevidon 21+7	Ethinylestradiol 0,03mg; Levonorgestrel 0,15mg	Viên nén bao	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x (21+7) viên	VN-19655-16

63. Công ty đăng ký: Geofman Pharmaceuticals (Đ/c: Plot No. 20/23 Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)

63.1. Nhà sản xuất: Bosh Pharmaceuticals (PVT) Ltd. (Đ/c: Bosch house 221, sector 23, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
112	Prelox Suspension	Mỗi 5 ml hỗn dịch sau khi pha chứa Cefpodoxim proxetil tương đương Cefpodoxim 40 mg	Bột cốm pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 37	Hộp chứa 1 chai chứa bột cốm pha 50 ml hỗn dịch	VN-19656-16

64. Công ty đăng ký: GlaxoSmithKline Pte., Ltd. (Đ/c: 150 Beach Road, # 21-00 Gateway West, Singapore 189720 - Singapore)

64.1. Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline (Tianjin) Co., Ltd (Đ/c: 65 Fifth Avenue, Teda Tianjin 300457 - China)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
113	Hepsera	Adefovir dipivoxil 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-19657-16

65. Công ty đăng ký: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: B/2, Mahalaxmi Chambers, 22 Bhulabhai Desai Road, Mumbai-400 026 - India)

65.1. Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Plot No. E-37, 39D-Road, MIDC, Satpur, Nashik-422 007, Maharashtra State - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
114	Candid TV	Mỗi chai 60ml chứa: Clotrimazol 600mg; Selenium Sulfid 1500mg	Hỗn dịch dùng ngoài da	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60ml	VN-19658-16
115	Candid V1	Clotrimazol 500mg	Viên nén không bao đặt âm đạo	48 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 1 viên kèm que đặt	VN-19659-16

116	Candid V3	Clotrimazol 200mg	Viên nén đặt âm đạo	48 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 3 viên kèm 1 que đặt	VN-19660-16
117	Flucort-C	Fluocinolon acetamid 0,01% (kl/kl); Ciclopirox olamin 1,0% (kl/kl)	Cream bôi da	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 15g	VN-19661-16
118	Klenzil MS	Adapalen (dạng vi cầu) 0,1% (KL/KL)	Gel	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 15g	VN-19662-16
119	Momate	Mometason furoat 0,1% (kl/kl)	Thuốc mỡ bôi ngoài da	36 tháng	USP 38	Hộp 1 tuýp 15g	VN-19663-16
120	Saferon	Sắt nguyên tố (dưới dạng phức hợp sắt (III) hydroxid polymaltose) 50mg/5ml	Si rô	30 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100ml	VN-19664-16
121	Supirocin	Mupirocin 2% (KL/KL)	Thuốc mỡ	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 5g	VN-19665-16

65.2. Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Village Kishanpura, Baddi Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt. Solan, (H.P.)-173205 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
122	Telma 80	Telmisartan 80mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19666-16

66. Công ty đăng ký: Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd. General Pharm. Factory (Đ/c: No. 109, Xuefu Road, Nangartg Dist, Harbin 150086 - China)

66.1. Nhà sản xuất: AhnGook Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 40, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
123	Ancatrol Soft capsule	Calcitriol 0,25mcg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-19667-16

67. Công ty đăng ký: Hetero Labs Limited (Đ/c: 7-2 A2, Hetero Corporate, Industrial Estates, Sanathnagar, Hyderabad 500018, Andhra Pradesh - India)

67.1. Nhà sản xuất: Hetero Labs Limited (Đ/c: Unit III, 22-110,1.D.A Jeedimetla, Hyderabad-500 055, Andhra Pradesh - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
124	Lazine	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	48 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19668-16

68. Công ty đăng ký: Hexal AG (Đ/c: Industriestrasse 25, 083607 Holzkirchen - Germany)

68.1. Nhà sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d, (Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
125	NifeHexal 30 LA	Nifedipin 30mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19669-16

69. Công ty đăng ký: Hexal AG (Đ/c: Industriestrasse 25, D-83607 Holzkirchen - Germany)

69.1. Nhà sản xuất: Sandoz Ilac Sanayi ve Ticaret, A.S. (Đ/c: Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bolgesi, Ataturk Bulvari, 9. Cad. No: 1, TR-41400 Kocaeli - Turkey)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
126	Sandoz Montelukast CHT 4mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-19670-16
127	Sandoz Montelukast CHT 5mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-19671-16
128	Sandoz Montelukast OGR 4mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Cốm uống	24 tháng	NSX	Hộp 7 gói	VN-19672-16

70. Công ty đăng ký: Hyphens Pharma Pte. Ltd (Đ/c: 138 Joo Seng Road, #03-00, Singapore 368361 - Singapore)

70.1. Nhà sản xuất: Guerbet (Đ/c: 16-24 rue Jean Chaptal 93600 Aulnay-Sous-Bois, Rorssy CDG-Cedex. - France)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
129	Lipiodol Ultra Fluide	Ethyl este của acid béo iod hóa trong dầu hạt thuốc phiện (hàm lượng iod 48%) 10ml; (tương đương 4,8g iod/10ml)	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1,50 ống thủy tinh x 10ml	VN-19673-16

71. Công ty đăng ký: Il Hwa Co., Ltd. (Đ/c: (Sutaek-dong) 25, Angol-ro 56Beon-gil, Guri-si, Gyeonggi-do - Korea)

71.1. Nhà sản xuất: CMG Pharmaceutical Co., Ltd (Đ/c: 27, Gongdan 1-daero 27beon-gil, Siheung si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
130	Hudica Tablet	Rebamipide 100 mg;	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19674-16

71.2. Nhà sản xuất: KMS Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 236. Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-city, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
131	Seolone	Famciclovir 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 21 viên	VN-19675-16

72. Công ty đăng ký: Ipca Laboratories Ltd. (Đ/c: International House 48, Kandivli Industrial Estate, Kandivli (W), Mumbai 400 067 - India)

72.1. Nhà sản xuất: Ipca Laboratories Ltd. (Đ/c: Plot No. 255/1, Athal, Silvassa, Pin.396 230, (D&NH) - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
132	Glycinorm-80	Gliclazid 80mg	Viên nén	36 tháng	BP 2015	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19676-16

73. Công ty đăng ký: Ipsen Pharma (Đ/c: 65, Quai Georges Gorse 92100 Boulogne Billancourt Cedex - France)

73.1. Nhà sản xuất: Beaufour Ipsen Industrie (Đ/c: Rue Ethe Virton, 28100 Dreux - Prance)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
133	Fortrans	Anhydrous sodium sulfate 5,7 g; Sodium bicarbonate 1,68 g; Sodium chloride 1,46 g; Potassium chloride 0,75 g	Bột pha dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 4 gói; Hộp 50 gói	VN-19677-16

74. Công ty đăng ký: Janssen - Cilag Ltd. (Đ/c: 106 Moo 4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet Lad, Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)

74.1. Nhà sản xuất: Patheon Inc. (Đ/c: 2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9 - Canada)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
134	Zytiga (đóng gói+Xuất xưởng: Janssen-Cilag S.p.A; Đ/chỉ: Via C.Janssen (loc. Borgo S. Michele) - 04100 Latina (LT), Italy)	Abiraterone acetate 250mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 120 viên	VN-19678-16

75. Công ty đăng ký: Janssen Cilag Ltd. (Đ/c: 106 Moo 4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet Lad., Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)

75.1. Nhà sản xuất: Janssen Pharmaceutica N.V. (Đ/c: Turnhoutseweg 30, B-2340, Beerse - Belgium)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
135	Durogesic 12 mcg/h	Fentanyl 2,1mg	Miếng dán phóng thích qua da	24 tháng	NSX	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng dán	VN-19679-16
136	Durogesic 25 mcg/h	Fentanyl 4,2mg	Miếng dán phóng thích qua da	24 tháng	NSX	Hộp 5 túi nhỏ 1 x miếng dán	VN-19680-16
137	Durogesic 50 mcg/h	Pentanyl 8,4mg	Miếng dán phóng thích qua da	24 tháng	NSX	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng dán	VN-19681-16

76. Công ty đăng ký: Janssen Cilag Ltd. (Đ/c: 106 Moo4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet lad, Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)

76.1. Nhà sản xuất: Janssen Pharmaceutica NV (Đ/c: Lammerdries 55, Olen, B-2250 - Belgium)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
138	Reminyl 16mg (Kiểm nghiệm, xuất xưởng các hạt thuốc giải phóng kéo dài: Janssen Pharmaceutica NV- Đ/c: Turnhoutseweg 30, Beerse, B-2340, Bỉ; Đóng nang, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng lô thành phẩm: Janssen Cilag S.P.A. - Đ/c: Via C. Janssen (loc.Borgo, S. Michele)- 04100 Latina- Ý)	Galantamin (dưới dạng Galantamin HBr) 16mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19682-16
139	Reminyl 8mg (Kiểm nghiệm, xuất xưởng các hạt thuốc giải phóng kéo dài: Janssen Pharmaceutica NV- Đ/c: Turnhoutseweg 30, Beerse, B-2340, Bỉ; Đóng nang, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng lô thành phẩm: Janssen Cilag S.P.A. - Đ/c: Via C. Janssen (loc.Borgo, S. Michele) - 04100 Latina- Ý)	Galantamin (dưới dạng Galantamin HBr) 8mg	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19683-16

77. Công ty đăng ký: JW Pharmaceutical Corporation (Đ/c: 2477, Nambusunhwan-ro, Seocho-gu, Seoul - Korea)

77.1. Nhà sản xuất: JW Life Science Corporation (Đ/c: 28, Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
140	JW Amikacin 500mg/100ml Injection	Amikacin (dưới dạng amikacin sulfat) 500mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	USP 36	Chai nhựa polypropylen 100ml	VN-19684-16

77.2. Nhà sản xuất: JW Pharmaceutical Corporation (Đ/c: 56 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
141	Choongwae Tobramycin sulfate injection	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat) 80mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	USP 36	Chai nhựa polypropylen 100ml	VN-19685-16

78. Công ty đăng ký: Kolon Global Corp (Đ/c: 1-23, Byeoryang-dong, Gwacheon-si,

Gyeonggi-do 427-709 - Korea)

78.1. Nhà sản xuất: PT. Indofarma Tbk. (Đ/c: JI Indofarma No. 1, Cikarang barat, Bekasi 17530 - Indonesia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
142	Epikalon	Paracetamol 1,5g/15ml	Dung dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 15ml	VN-19686-16

78.2. Nhà sản xuất: Samjin Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 52, Jeakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
143	Cefocent	Cefotaxime (dưới dạng Cefotaxime sodium) 1000mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 38	Hộp 10 lọ 1 g	VN-19687-16

79. Công ty đăng ký: Kukje Pharma Ind. Co., Ltd. (Đ/c: 513-2, Yatab-dong, Bundang-gu, Seongnam city, Gyeonggi-do - Korea)

79.1. Nhà sản xuất: Kukje Pharma Ind. Co., Ltd. (Đ/c: 47, Sanseong-ro, Danwon-Gu, Ansan-si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
144	Kukje Lincomycin HCl Inj. 600mg	Lincomycin (dưới dạng Lincomycin HCl) 600mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ 2 ml	VN-19688-16
145	Kukjetrilcef Cap. 500mg	cephradin 500mg	Viên nang cứng	24	USP	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19689-16

80. Công ty đăng ký: Kwan star Co. Ltd (Đ/c: 21F1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Banciao Dist, New Taipei City 220 - Taiwan)

80.1. Nhà sản xuất: Singapore Pharmawearth Lifesciences, Inc (Đ/c: Brgy, San Jose Malamig, San Pablo City, Laguna - Philippines)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
146	Besfluran	Sevoflurane 250ml	Dung dịch xông hít	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 250ml	VN-19690-16

80.2. Nhà sản xuất: Ta Fong Pharmaceutical Co., Ltd (Đ/c: 11, An-Tou Lane, Yen-Ping Li, Changhua City - Taiwan, R.O.C)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
147	Famoster Injection 10mg/ml "T.F"	Mỗi ống 2 ml có chứa Famotidin 20mg	Dung dịch tiêm	30 tháng	NSX	Hộp 10 ống 2ml	VN-19691-16

81. Công ty đăng ký: Laboratoire Aguettant S.A.S (Đ/c: Parc Scientifique Tony Garnier 1 Rue Alexander Fleming 69007, Lyon. - France)

81.1. Nhà sản xuất: Delpharm Tours (Đ/c: Rue Paul Langevin 37170 Chambray Les Tours - France)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
148	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Bupivacaine hydrochloride anhydrous (dưới dạng Bupivacaine hydrochloride) 100mg/20ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ x 20ml	VN-19692-16

82. Công ty đăng ký: Laboratorios Bago S.A (Đ/c: Bernardo de Irigoyen No. 248 Buenos Aires - Argentina)

82.1. Nhà sản xuất: Laboratorios IMA S.A.I.C. (Đ/c: Palpa 2862, Ciudad Autónoma de Buenos Aires - Argentina)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
149	Mitoxgen (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Bioprofarma S.A - Địa chỉ: Terrada 1270, Ciudad Autónoma de Buenos Aires, Argentina)	Mitoxantrone (dưới dạng Mitoxantrone HCl) 20mg;	Dung dịch đậm đặc pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ 10ml	VN-19693-16

83. Công ty đăng ký: Laboratorios Liconsa, S.A. (Đ/c: Gran Via Carlos III, 98, 08028, Barcelona - Spain)

83.1. Nhà sản xuất: Laboratorios León Farma, S.A (Đ/c: C/La Vallina, s/n - P.I. Navatereja., 24008 Navatejera (Leon) - Spain)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
150	Rosepire	Drospirenone 3mg; Ethinyl estradiol micronized 0,02mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 28 viên (21 viên có hoạt chất +7 viên giả được)	VN-19694-16

84. Công ty đăng ký: Laboratorios Recalcine S.A. (Đ/c: Avenida Pedro de Valdivia 295, 7500524 Providencia, Santiago - Chile)

84.1. Nhà sản xuất: Laboratorio Internacional Argentino S.A (Đ/c: Tabare 1641 C.A.B.A - Argentina)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
151	Oscamicin	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCl) 1000mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, Hộp 25 lọ	VN-19695-16

84.2. Nhà sản xuất: Laboratorios Liconsa, S.A. (Đ/c: Av. Miralcampo, No 7, Polígono Industrial Miralcampo 19200 Azuqueca de Henares (Guadalajara) - Spain)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
152	Prazav	Omeprazol 20mg	Viên nang chứa pellet bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-19696-16

85. Công ty đăng ký: Lek Pharmaceuticals d.d, (Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)

85.1. Nhà sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d, (Đ/c: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
153	Vancomycin Hydrochloride Sandoz	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 1000mg	Bột pha dung dịch tiêm/truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-19697-16
154	Vancomycin Hydrochloride Sandoz	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 500mg	Bột pha dung dịch tiêm/truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-19697-16

86. Công ty đăng ký: LLOYD Laboratories INC. (Đ/c: 10 Lloyd Avenue, First Bulacan Industrial City, Tikay, Malolos, Bulacan. - Philippines)

86.1. Nhà sản xuất: LLOYD Laboratories INC. (Đ/c: 10 Lloyd Avenue, First Bulacan Industrial City, City of Malolos, Bulacan. - Philippines)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
155	Deslogen	Desloratadine 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19699-16

87. Công ty đăng ký: Lupin Limited (Đ/c: 159, C.S.T Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400 098 - India)

87.1. Nhà sản xuất: Jubilant Generics Ltd. (Đ/c: Village Sikandarpur Bhainswal, Roorkee-Dehradun Highway, Bhagwanpur, Roorkee, District Haridwar, Uttarakhand 247661 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
156	Lupilopram	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalat) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19700-16

87.2. Nhà sản xuất: Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II (Đ/c: Q road, Phase IV, GIDC, Wadhwan-363035 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
157	Esotrax 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magie trihydrat) 40mg	Viên nén kháng acid dạ dày	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19701-16

88. Công ty đăng ký: Macleods Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: 304, Atlanta Arcade, Marol Church Road, Andheri (East) Mumbai - 400 059 - India)

88.1. Nhà sản xuất: Macleods Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Block N-2, Vill. Theda, P.O. Lodhimajra, Baddi, Distt.Solan (H.P) - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
158	Montemac 10	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19702-16
159	Montemac 5	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19703-16

88.2. Nhà sản xuất: Macleods Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Plot No. 25-27, Survey No. 366 Premier Industrial Estate, Kachigam, Daman - 396210 (U.T) - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
160	Nevirapine Tablets USP 200mg	Nevirapin 200 mg	Viên nén	36 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ 60 viên	VN-19704-16
161	Zilamac-50	Cilostazol 50mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-19705-16

89. Công ty đăng ký: Mega Lifesciences Public Company Limited (Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samut Prakarn 10280 - Thailand)

89.1. Nhà sản xuất: Embil Ilac San. Ltd. Sti (Đ/c: Cerkezkoy Organize Sanayi Bolgesi Gaziosmanpasa Mahallesi, Fatih Bulvari, No; 19/2 Cerkezkoy- Tekirdag- Turkey)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
162	Neo-Penotran Forte L	Metronidazol 750mg; Miconazof nitrat 200mg; Lidocain (43mg Lidocain base + 70,25 mg Lidocain HCl) 100mg	thuốc đạn đặt âm đạo	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 7 viên	VN-19706-16

90. Công ty đăng ký: Meiji Seika Pharma Co. Ltd. (Đ/c: 4-16 Kyobashi 2-Chome Chuo-Ku, Tokyo - Japan)

90.1. Nhà sản xuất: Meiji Seika Pharma Co., Ltd.- nhà máy Odawara (Đ/c: 1056, Kamonomiya, Odawara-shi, Kanagawa - Japan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
163	Fosmicin-S for Otic	Fosfomycin natri 300mg	Bột pha dung dịch thuốc nhỏ tai	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi 10ml	VN-19707-16

91. Công ty đăng ký: Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd. (Đ/c: 27/F., Caroline Centre, Lee Gardens Two, 28 Yun Ping Road, Causeway Bay - Hong Kong)

91.1. Nhà sản xuất: MSD International GmbH (Singapore Branch) (Đ/c: 70 Tuas West Drive, 638414 - Singapore)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
164	Victrelis (Cơ sở đóng gói: Schering- Plough Labo N.V., đ/c: Industriepark 30, 2220 Heist-op- den-Berg, Belgium)	Boceprevir 200mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp lớn x 4 hộp nhỏ x 7 vi x 12 viên	VN-19710-16

92. Công ty đăng ký: Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd. (Đ/c: Flat/RM 1401 A&B 14/F & 27/F., Caroline Centre, 28 Yun Ping Road, Causeway Bay - Hong Kong)

92.1. Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Ltd. (Đ/c: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland NE23 3JU- United Kingdom)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
165	Renitec 5mg (đóng gói tại PT Merck Sharp Dohme Pharma Tbk. Địa chỉ: Jl. Raya Pandaan Km 48, Pandaan, Pasuruan, Jawa Timur, Indonesia)	Enalapril maleat 5mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-19708-16

92.2. Nhà sản xuất: MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Đ/c: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771 - Puerto Rico)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
166	Ezetrol (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng: Shering-Plough Labo N.V., đ/c: Industriepark 30, B- 2220, Heist-op-den- Berg, Belgium)	Ezetimibe, micronized 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1, 3 vi x 10 viên	VN-19709-16

93. Công ty đăng ký: Micro Labs Limited (Đ/c: No.27, Race Course Road, Bangalore 560 001 - India)

93.1. Nhà sản xuất: Micro Labs Limited (Đ/c: 92, Sipcot Hosur 635-126 Tamil Nadu - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
167	Ebost	Ebastin 10mg	Viên nén bao	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19711-16
168	Mirosatan	Telmisartan 40mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10	VN-19712-16
169	Novagra Forte	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-19713-16
170	Urexpen	Tramadol hydrochlorid 37,5mg; Paracetamol 325mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19714-16

94. Công ty đăng ký: Myung Moon Pharmaceutical, Ltd. (Đ/c: Myung Moon Bldg 946-18, Dokok-dong, Kangnam-gu, Seoul - Korea)

94.1. Nhà sản xuất: M/S Cirin Pharmaceuticals Pvt, Ltd. (Đ/c: 32/2-A, Industrial Estate, Hattar, Dist. Haripur - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
171	Ceplo Injection 1gm IM/IV	Ceftazidime pentahydrate tương đương Ceftazidime 1 g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 34	1 lọ/hộp	VN-19715-16

95. Công ty đăng ký: Natur Produkt Zdrovit Sp. Z o.o (Đ/c: No. 31, Nocznizkiego Str., 01-918 Warsaw - Poland)

95.1. Nhà sản xuất: Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o (Đ/c: 07-300 Ostrów Mazowiecka, ul. Podstoczysko 30 - Poland)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
172	Bilomag	Cao khô lá bạch quả đã chuẩn hóa [Girtkgonis extractum siccum raffinatum et quantificatum] (39,6 - 49,5:1) 80 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp chứa 6 vỉ x 10 viên nang cứng	VN-19716-16

96. Công ty đăng ký: Pfizer (Thailand) Ltd. (Đ/c: Floor 36, 37, 38 United Center Building, 323 Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500 - Thailand)

96.1. Nhà sản xuất: Pfizer Australia Pty., Ltd. (Đ/c: 38-42 Wharf Road West Ryde, NSW 2114 -Australia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
173	Amlor	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19717-16

97. Công ty đăng ký: Pfizer Thailand Ltd. (Đ/c: Floor 36, 37 United Center Building, 323 Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500 - Thailand)

97.1. Nhà sản xuất: Pfizer Manufacturing Belgium NV (Đ/c: Rijksweg 12, 2870 Puurs - Belgium)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
174	Dalacin C	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat) 300mg/2ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 ống 2 ml	VN-19718-16

98. Công ty đăng ký: Pharmaunity Co., Ltd (Đ/c: 69-5 Taepyeongno, 2-Ga, Jung-Gu, Seoul - Korea)

98.1. Nhà sản xuất: Binex Co., Ltd. (Đ/c: 368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
175	Ultara Cap.	Nizatidine 150 mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên. Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-19719-16

98.2. Nhà sản xuất: Myung-In Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 186-1 Noha-Ri, Paltan-Myun, Hwasung-si, Gyeonggi-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
176	Hidem cream	Gentamicin (dưới dạng gentamicin	Kem bôi ngoài da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 10g; Hộp 1	VN-19720-16

		sulfat) 1mg/g; Betamethason dipropionat 0,64mg/g; Clotrimazol 10mg/g				tuýp 15g	
--	--	---	--	--	--	----------	--

98.3. Nhà sản xuất: Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-Do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
177	Fizoti Inj.	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri) 1g.	Thuốc bột pha tiêm bấp, tiêm tĩnh mạch	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ; hộp 10 lọ	VN-19721-16

99. Công ty đăng ký: Pharmaunity Co., Ltd. (Đ/c: 69-5 Taepyeongno, 2-Ga, Jung-Gu, Seoul - Korea)

99.1. Nhà sản xuất: Hwail Pharm. Co., Ltd. (Đ/c: 156, Sandan-ro 67 beon-gil, Danwon-Gu, Ansan-Si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
178	Hudizim Inj	Ceftazidim (dưới dạng hỗn hợp Ceftazidim và Natri carbonat) 1g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 1, 10 lọ	VN-19722-16

100. Công ty đăng ký: PharmEvo Private Limited (Đ/c: 402, Business avenue, Block-6, P.E.C.H.S., Shakra-e-Faisal Karachi-75400 - Pakistan)

100.1. Nhà sản xuất: PharmEvo Private Limited (Đ/c: Plot #A-29, North Western Industrial zone, Port Qasim, Karachi - 75020 - Pakistan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
179	Airccz 4mg sachet	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Gói	24 tháng	NSX	Hộp 14 gói	VN-19723-16
180	Diu-Tansin Tablet	Losartan kaki 50mg;	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19724-16

		Hydrochlorothiazid 12,5mg					
181	Evopride 1mg	Glimepiride 1mg	Viên nén không bao	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-19725-16
182	X-Plended Tablet 5mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19726-16

101. Công ty đăng ký: Phil International Co., Ltd. (Đ/c: 17, Nonhyeon-ro 99-gil, Gangnam-gu, Seoul - Korea)

101.1. Nhà sản xuất: Cho-APharm Co., Ltd. (Đ/c: 318, Gwangjeong-ro, Haman-Myeon, Haman-gun, Gyeongsangnam-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
183	Catefat	Mỗi ống 10 ml chứa Levocamitin 1 g	dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 20 ống 10ml	VN-19727-16

101.2. Nhà sản xuất: Huons Co. Ltd (Đ/c: 100, Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheonbuk-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
184	Philmadol	Acetaminophen 325mg; Tramadol HCl 37,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19728-16

102. Công ty đăng ký: Polfarmex S.A (Đ/c: Ul. Jozefo 9, 99-300 Kutno - Poland)

102.1. Nhà sản xuất: Polfarmex S.A (Đ/c: Józefów 9 Street, 99-300 Kutno - Poland)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
185	Trimpol MR	Trimetazidine dihydrochloride 35 mg	Viên nén giải phóng chậm	30 tháng	NSX	Hộp chứa 6 vỉ x 10 viên	VN-19729-16

103. Công ty đăng ký: PT. Dexa Medica (Đ/c: Jl. Jend. Bambang Utoyo No. 138 Palembang - Indonesia)

103.1. Nhà sản xuất: PT. Dexe Medica (Đ/c: Jl. Jend. Bambang Utuyo No. 138 Palembang - Indonesia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
186	Vectrine	Erdosteine 175mg/5ml	Bột pha xiro	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai bột để pha 60ml si rô	VN-19730-16

104. Công ty đăng ký: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories (Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik Putri, Bogor 16962 - Indonesia)

104.1. Nhà sản xuất: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories (Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962 - Indonesia)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
187	Haiblok	Bisoprolol hemifumarate 5 mg	viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19731-16

105. Công ty đăng ký: Rhydburg Pharmaceuticals Limited (Đ/c: 101, A 12/13, Ansal Bhawan, Dr. Mukherjee Nagar, Delhi 011009 - India)

105.1. Nhà sản xuất: Rhydburg Pharmaceuticals Limited (Đ/c: C-2&3, S.I.E.L., Selaqui, Dehradun, Uttarakhand - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
188	Padoc-A	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg; Aspirin 75mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19732-16

106. Công ty đăng ký: Rotaline Molekule Private Limited (Đ/c: 7/1, Coporate Park, Sion-Trombay Road, P.O Box No. 27257, Chembur, Mumbai, 400071 - India)

106.1. Nhà sản xuất: Flamingo Pharmaceuticals Limited (Đ/c: R-662, TTC Ind. Area, Rabale, Navi Mumbai 400 701 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
189	Rabeto-40	Rabeprazol natri 40mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x	VN-19733-16

			bao tan trong ruột	tháng		10 viên	
190	Ucon 4	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Viên nén nhai	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19734-16
191	Ucon 5	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19735-16

107. Công ty đăng ký: SXA. (Tenamyl Canada) Inc. (Đ/c: 242 Varry Street St. Laurent, Quebec, H4N1A3 - Canada)

107.1. Nhà sản xuất: Medopharm (Đ/c: 34B-Industrial Area, Malur-563 130, Karnataka - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
192	Lansotrent	Lansoprazol 30mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19736-16

108. Công ty đăng ký: Santen Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka 533 8651 -Japan)

108.1. Nhà sản xuất: Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto (Đ/c: 2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa - Japan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
193	Daigaku	Lọ 15ml chứa: Naphazolin hydroclorid 0,3mg; Clorpheniramin maleat 1,5mg; Kẽm sulfat hydrat 15mg; Acid ép-si-lon aminocaproic 150mg	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 15 ml	VN-19737-16

109. Công ty đăng ký: Santen Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: 9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka 533-8651 -Japan)

109.1. Nhà sản xuất: Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto (Đ/c: 2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa - Japan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
194	Sanlein Mini 0.1	Natri hyaluronat	Dung dịch	36	NSX	Hộp 100 lọ	VN-19738-16

		0,4mg/0,4ml	nhỏ mắt	tháng		0,4 ml	
195	Sanlein Mini 0.3	Natri hyaluronat 1,2mg/0,4ml	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 100 lọ 0,4	VN-19739-16

110. Công ty đăng ký: Schnell Biopharmaceutical Inc. (Đ/c: 4F., Haesung Bldg., #747-2 Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul - Korea)

110.1. Nhà sản xuất: Schnell Biopharmaceuticals, Inc (Đ/c: 16, Dumeori-gil, Yanggang-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
196	Scoprae Tablet	Rebamipid 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19740-16

111. Công ty đăng ký: SM Biorned Sdn. Bhd. (Đ/c: Lot 90, Sungai Petani Industrial Estate, 08000, Sungai Petani, Kedah - Malaysia)

111.1. Nhà sản xuất: Laboratorio Reig Jofre, S.A (Đ/c: Jarama 111 45007 Toledo, Espana - Spain)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
197	Keftazim	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ	VN-19741-16
198	Trexon	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g	Bột pha tiêm	36 tháng	BP2014	Hộp 1 lọ	VN-19742-16

111.2. Nhà sản xuất: Penta Labs Pvt. Ltd. (Đ/c: Ekkery Gardens, Kallekkad, Shoranur Main Road, Palakkad 678 015, Kerala - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
199	Kebasyn-500+500	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 500mg; Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-19743-16

112. Công ty đăng ký: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. (Đ/c: Acme Plaza, Andheri - Kurla Road., Andheri (East) Mumbai 400 059 - India)

112.1. Nhà sản xuất: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. (Đ/c: Survey No 214, Plot No. 20, Govt.Ind.Area, Phase II, Silvassa-396230, (U.T. of Dadra & Nagar Haveli) - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
200	Maxgalin 150	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-19744-16
201	Maxgalin 75	Pregabalin 75mg;	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-19745-16

113. Công ty đăng ký: Synmedic Laboratories (Đ/c: 202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar, East of Kailash, New Delhi-110065. - India)

113.1. Nhà sản xuất: Synmedic Laboratories (Đ/c: 106-107, HSIDC Industrial Estate, Sec-31, Faridabad- 121 003 Haryana - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
202	Hysart-8mg	Candesartan Cilexetil 8mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VN-19746-16

114. Công ty đăng ký: Torrent Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Torrent House Off. Ashram road, Ahmedabad- 380 009, Gujarat - India)

114.1. Nhà sản xuất: Torrent Pharmaceuticals Ltd. (Đ/c: Indrad-382721, Dist. Mehsana - india)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
203	Venlif OD 150	Venlafaxin (dưới dạng Venlafaxin HCl) 150mg	Viên nang giải phóng kéo dài	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 7 viên	VN-19747-16
204	Venlif OD 75	Venlafaxin (dưới dạng Venlafaxin HCl) 75mg	Viên nang giải phóng kéo dài	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-19748-16

115. Công ty đăng ký: Unison Laboratories Co., Ltd. (Đ/c: 39 Moo 4, Klong Udomcholjorn, Muang Chachoengsao, Chachoengsao 24000 - Thailand)

115.1. Nhà sản xuất: Unison Laboratories Co., Ltd. (Đ/c: 39 Moo 4, Klong Udomcholjorn, Muang Chachoengsao, Chachoengsao 24000 - Thailand)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
205	U-Thel	Brompheniramin maleate 4mg/5ml; Phenylephrine hydrochloride 10mg/5ml	Si rô	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60ml	VN-19749-16

116. Công ty đăng ký: USV Ltd. (Đ/c: B.S.D. Marg, Giovandi, Mumbai 400 088 - India)

116.1. Nhà sản xuất: USV Ltd. (Đ/c: H-17/H-18 O IDC, Mahatma Gandhi Udyo Nagar, Dabhel, Daman 396210 Regd. B.S.D. Giovandi Mumbai 400088 - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
206	Duotrol	Glyburide 5mg; Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-19750-16

117. Công ty đăng ký: Vigbha (Asia) Pte. Ltd. (Đ/c: 1 North Bridge Road #07-10, High Street Centre, 179094 - Singapore)

117.1. Nhà sản xuất: IKO Overseas (Đ/c: 106-107, HSIDC, Industrial Estate, Sec-31, Faridabad - 121003, Haryana - India)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
207	Iklind-150	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin HCl) 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 37	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-19751-16

118. Công ty đăng ký: Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd. (Đ/c: No. 26 Shin Chong Road, Tainan - Taiwan)

118.1. Nhà sản xuất: Ying Yuan Chemical Pharmaceiutical Co., Ltd. (Đ/c: No. 26 Shin Chong Road, Tainan - Taiwan)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
208	Dogweisu Capsule 50mg	Sulpiride 50 mg	Viên nang cứng	48 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	VN-19752-16

119. Công ty đăng ký: Yuria-pharm Ltd. (Đ/c: 10, Mykoly Amosova st., 03680 Kyiv - Ukraine)

119.1. Nhà sản xuất: Yuria-pharm Ltd. (Đ/c: 108, Verbovetskogo str. Cherkassy, 18030 - Ukraine)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
209	Leflocin	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 5mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 150ml	VN-19753-16